

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng

Ngày 31/12/2025	34,050 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.3%	-1.7%	-1.0%

DT thuần Q4/25
523
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 60.0 13.0%
YoY: ▲ 59.0 12.7%

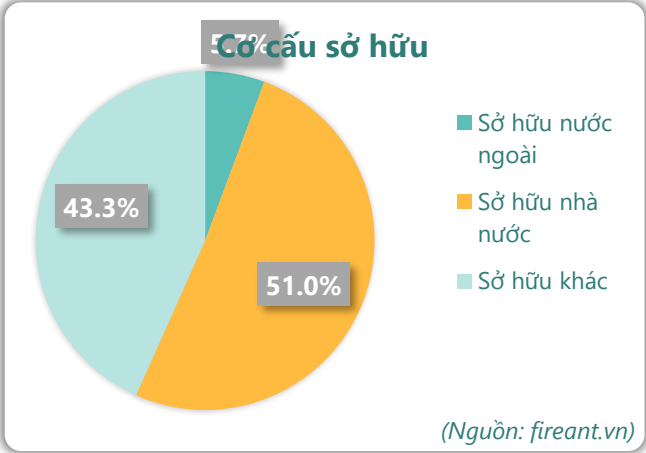
LN thuần Q4/25
57.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.6 40.6%
YoY: ▼6.50 -10.1%

LN sau thuế Q4/25
47.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.0 37.9%
YoY: ▼6.10 -11.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
10.7%
YoY: +/-▼ 0.2%

ROE 2025
23.4%
YoY: +/-▲ 0.0%

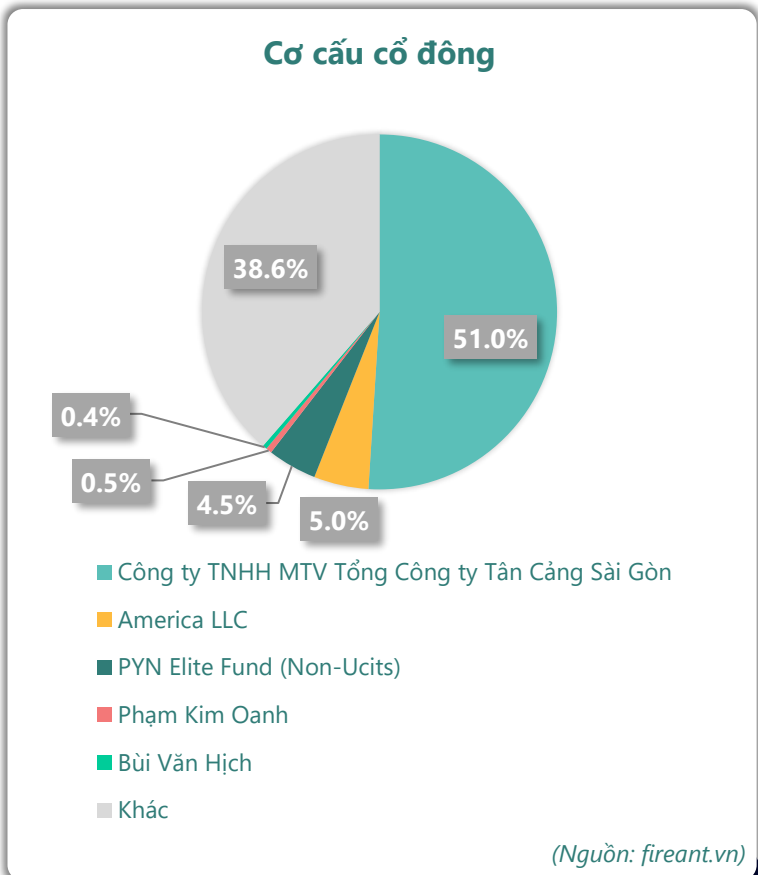
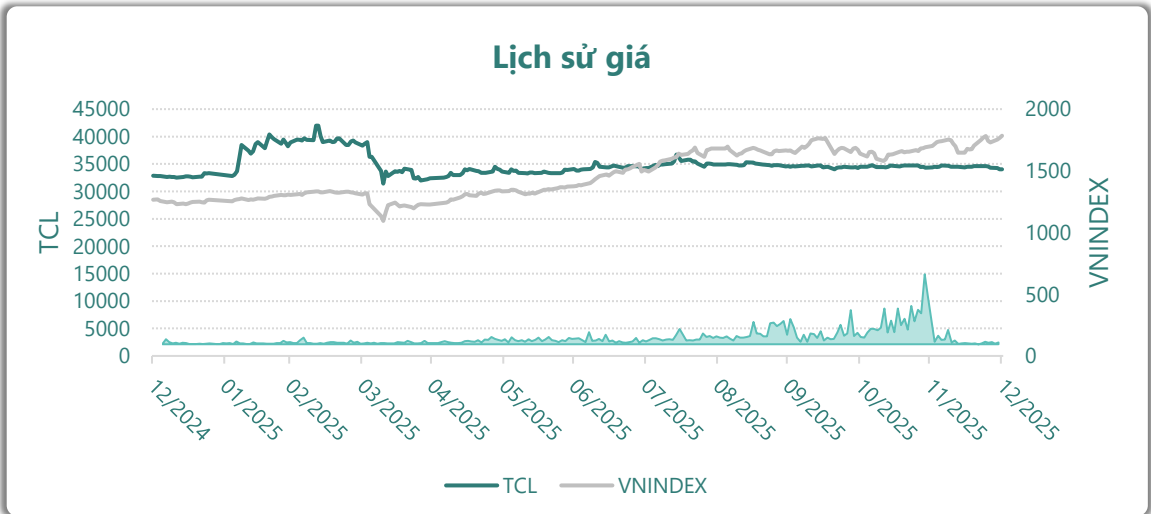
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,424 - 41,992
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,027
Số lượng CPLH (CP)	30,158,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,930
Sở hữu nước ngoài	5.7%
Beta	0.19
EPS	5,294
P/E	6.4



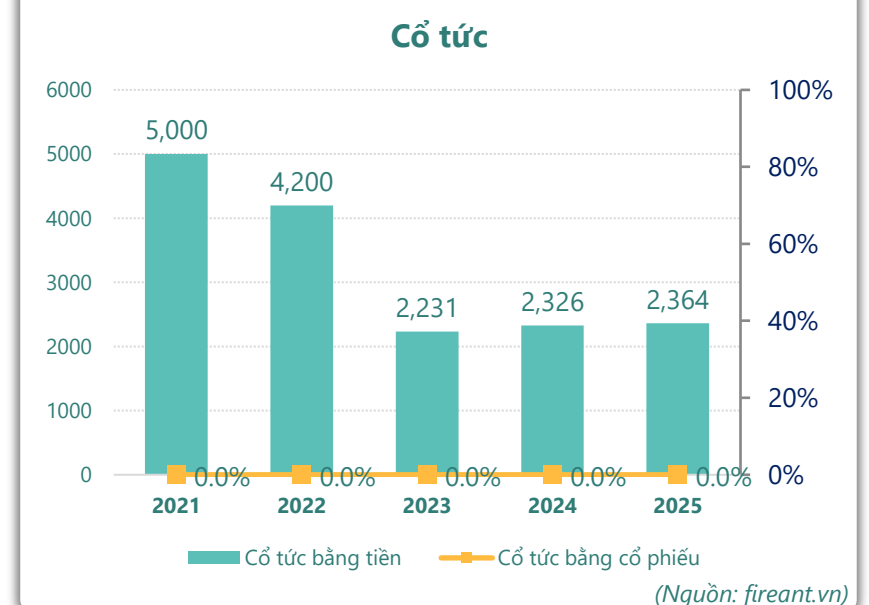
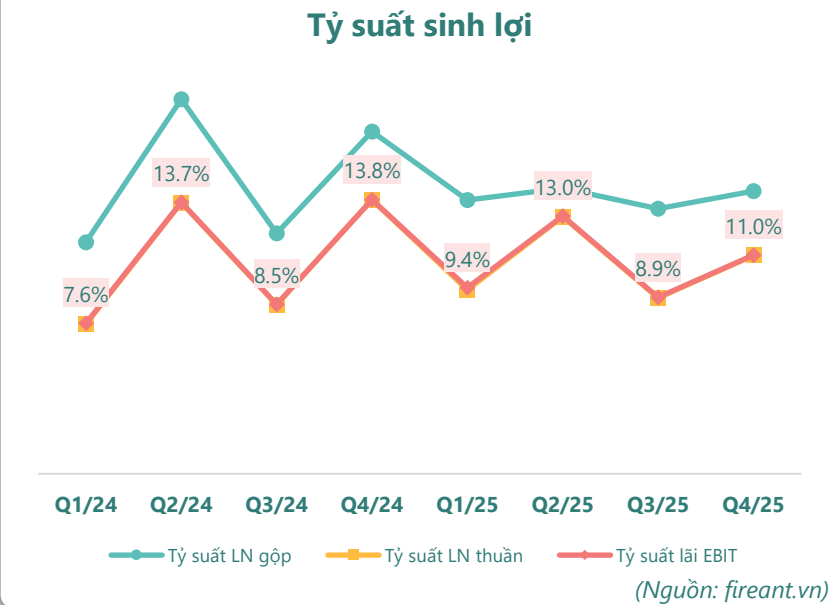
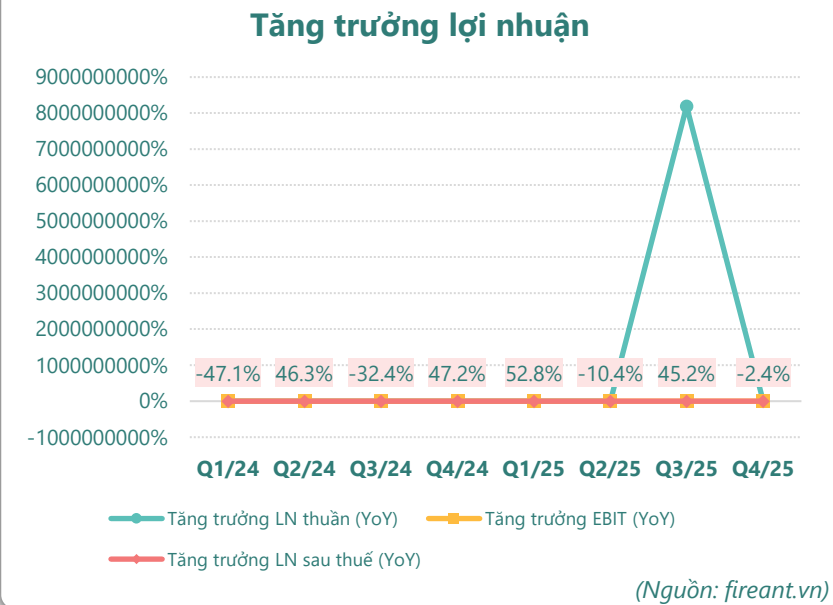
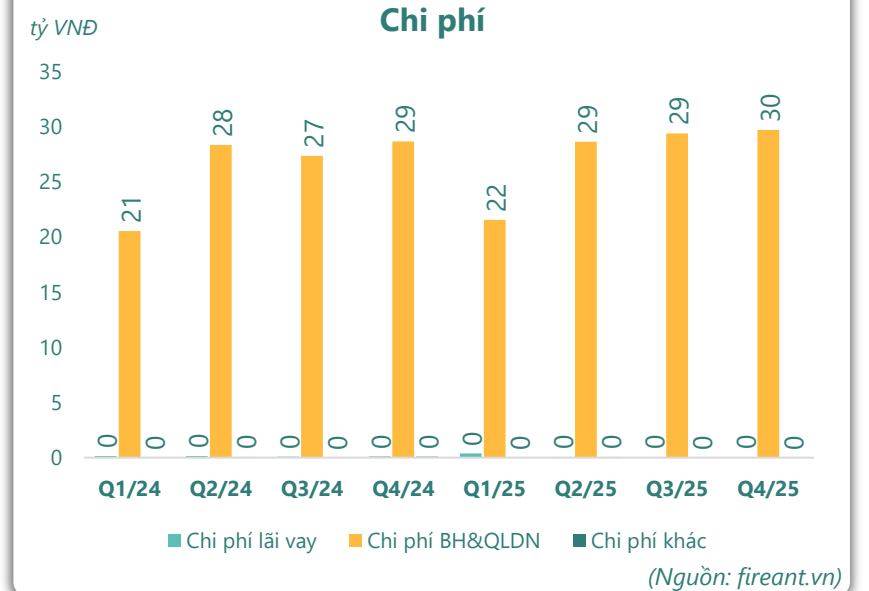
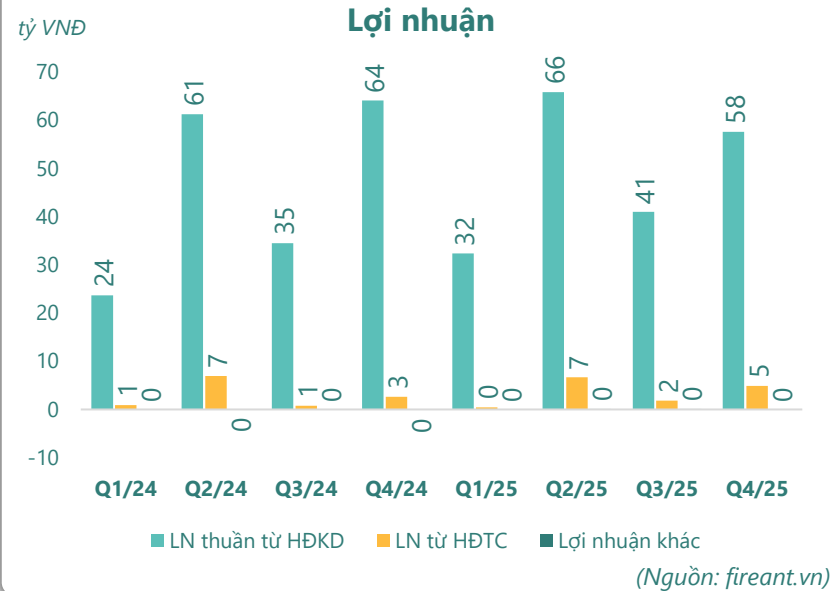
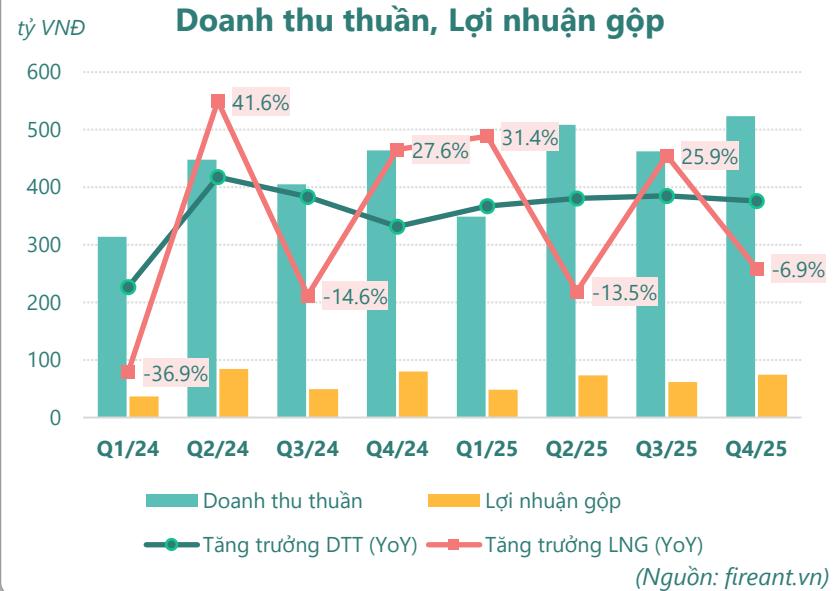
DT thuần 2025
1,843
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 212 13.0%

LN thuần 2025
197
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0 11.1%

LN sau thuế 2025
163
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0 11.6%



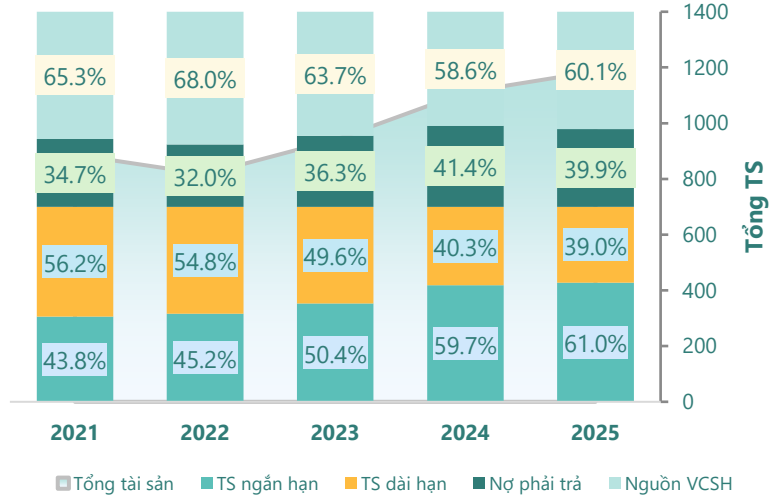
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

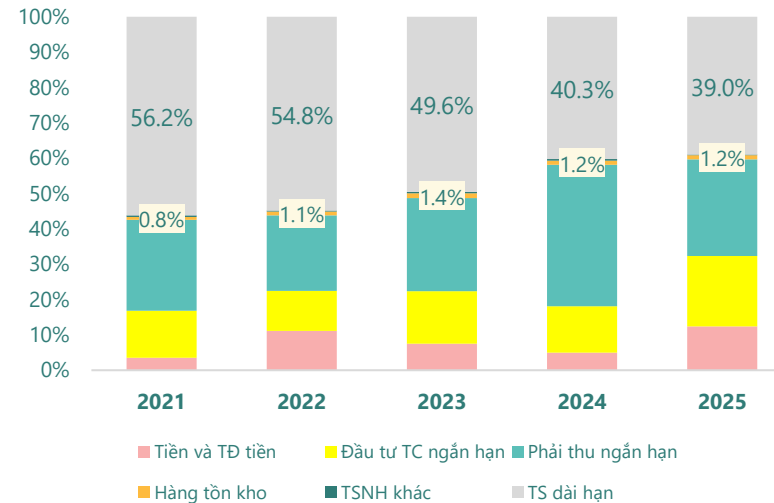
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

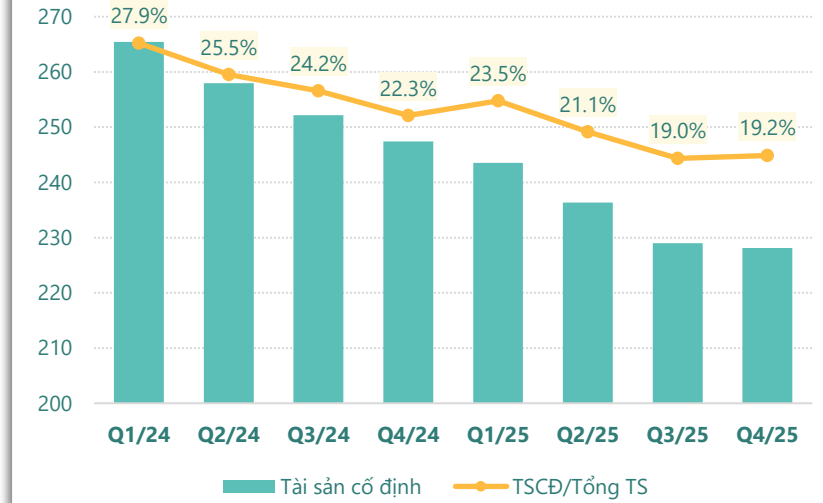
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

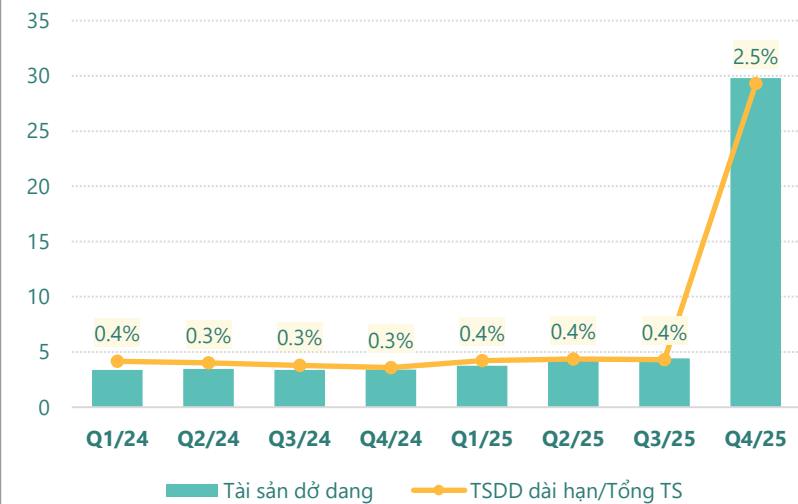
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

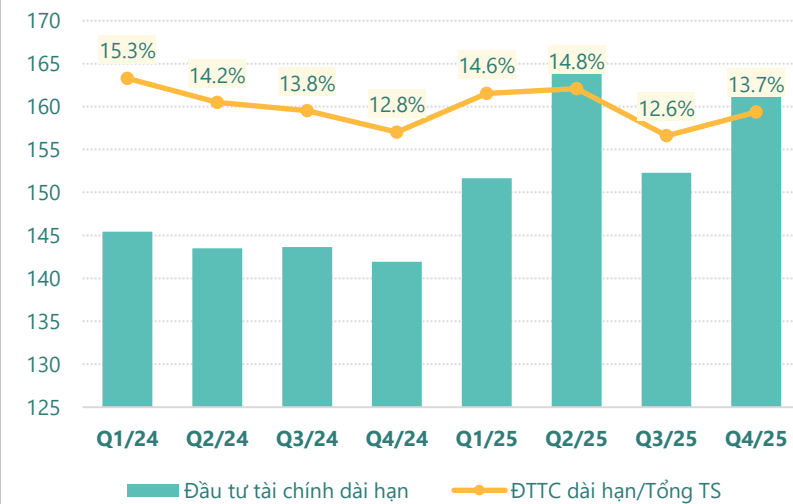
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

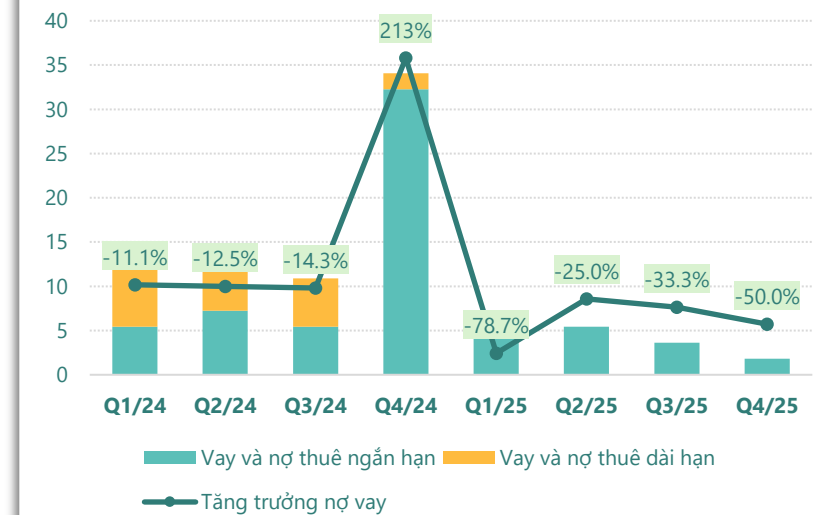
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

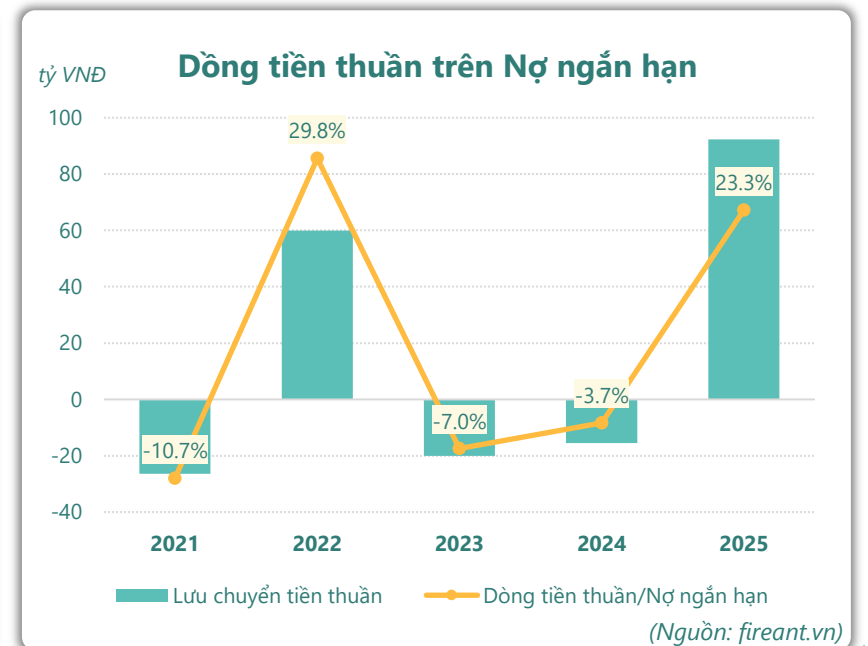
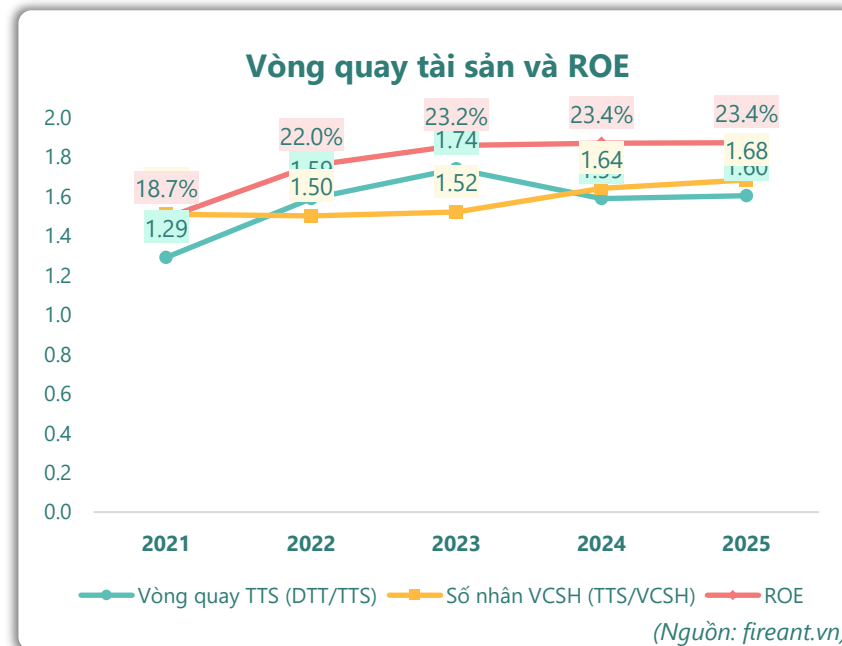
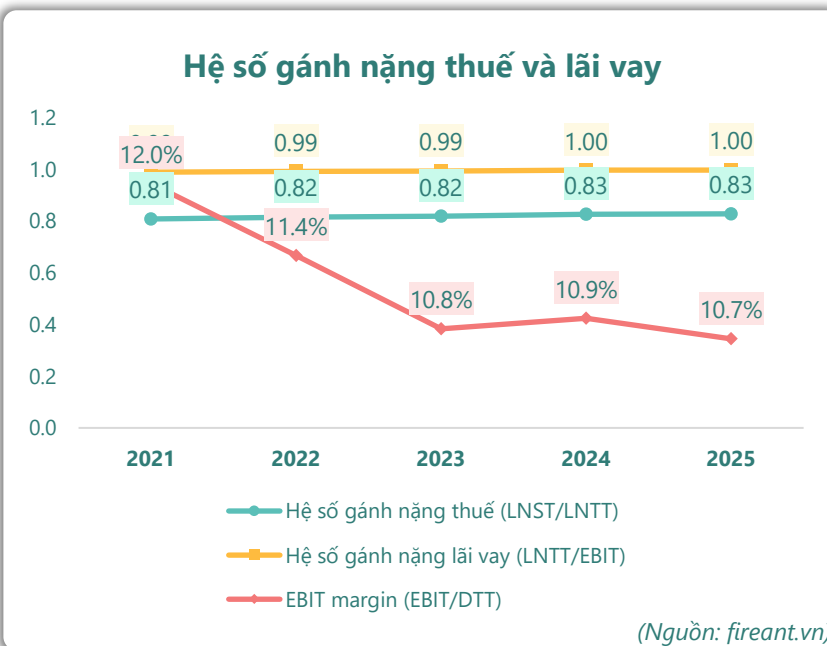
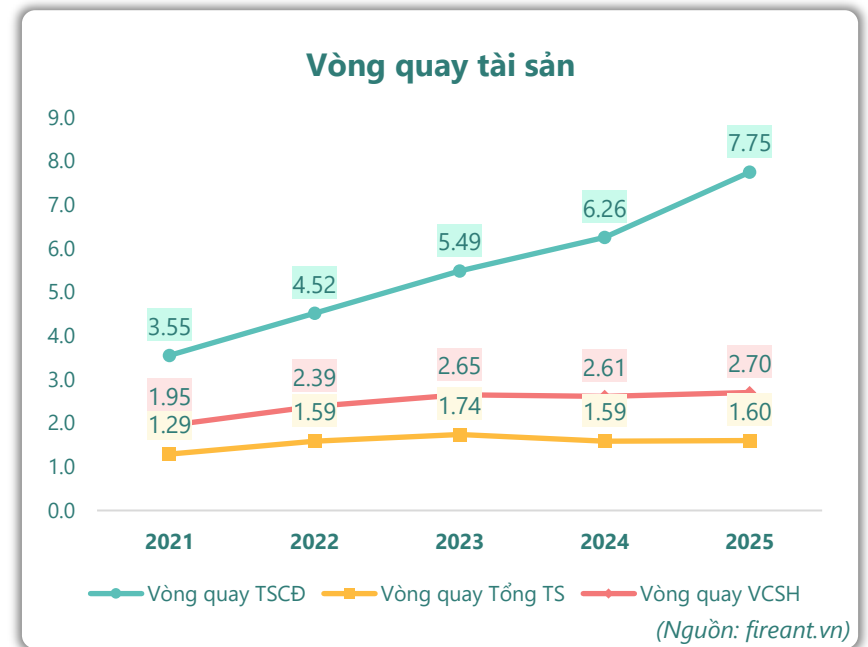
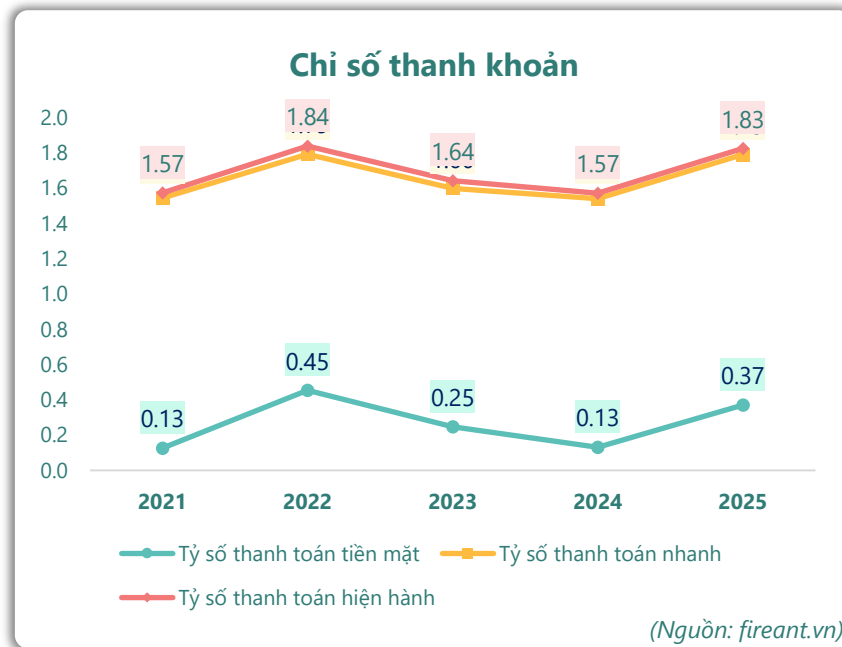
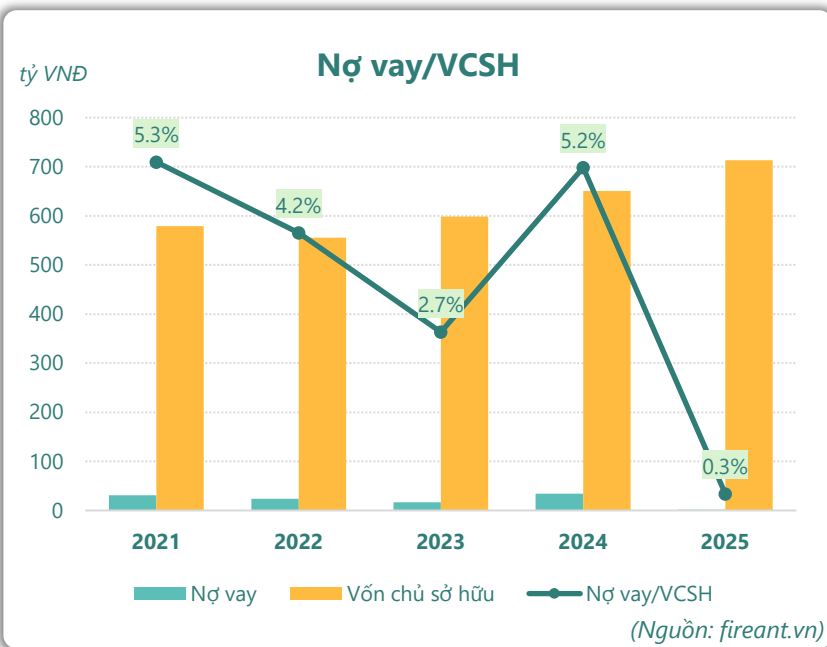
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	523	464	12.7%	1,843	1,631	13.0%
Giá vốn hàng bán	449	384	16.8%	1,585	1,383	14.6%
Lợi nhuận gộp	74.6	80.1	-6.9%	258	248	3.8%
Doanh thu HĐTC	5.39	2.73	97.4%	14.8	11.5	28.9%
Chi phí TC	0.48	0.12	302%	0.97	0.50	92.5%
Chi phí lãi vay	0.03	0.12	-71.1%	0.52	0.50	3.6%
LN trong công ty LKLD	7.86	10.1	-22.2%	34.6	21.9	57.8%
Chi phí bán hàng	7.96	8.42	-5.5%	32.7	30.6	6.9%
Chi phí QLDN	21.8	20.3	7.3%	76.7	73.6	4.3%
LN thuần từ HĐKD	57.6	64.1	-10.1%	197	177	11.1%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.09	105%	0.17	-0.16	206%
LN trước thuế	57.6	64.0	-10.0%	197	177	11.3%
Lợi nhuận sau thuế	47.2	53.3	-11.5%	163	146	11.6%
LNST của CĐ cty mẹ	44.6	53.2	-16.2%	160	146	9.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.0	-38.1	8.58	145	67.1	90.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.22	-21.2	22.7	-71.1	-3.34	-62.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.8	58.6	-26.8	-72.8	-2.02	-2.21
Tiền đầu kỳ	72.3	47.3	55.5	59.9	60.8	122
Lưu chuyển tiền thuần	-25.0	-0.79	4.43	0.81	61.7	25.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	-0.53
Tiền cuối kỳ	47.3	46.5	59.9	60.8	122	147

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,186	1,111	6.8%
Tài sản ngắn hạn	724	663	9.2%
Tiền và tương đương tiền	147	55.5	165%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	237	145	63.1%
Phải thu ngắn hạn	323	444	-27.2%
Hàng tồn kho	13.8	13.1	5.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.99	5.07	-41.0%
Tài sản dài hạn	462	447	3.3%
Phải thu dài hạn	9.68	18.0	-46.2%
Tài sản cố định	228	247	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	29.8	3.41	774%
Đầu tư tài chính dài hạn	163	146	11.5%
Tài sản dài hạn khác	31.5	32.2	-2.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	473	460	2.9%
Nợ ngắn hạn	397	422	-6.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.81	32.2	-94.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	237	272	-13.0%
Nợ dài hạn	76.9	37.9	103%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	1.81	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	713	651	9.6%
Vốn chủ sở hữu	713	651	9.6%
Vốn điều lệ	302	302	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

